

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA HỆ THỐNG NÔNG NGHIỆP THÔNG QUA CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÁC HỆ THỐNG SẢN XUẤT Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

PTS. ĐẶNG KIM SƠN



Lời giới thiệu

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là một vùng nông nghiệp quan trọng vào bậc nhất ở nước ta. Mặc dù chỉ chiếm 12% trên tổng diện tích lãnh thổ VN và khoảng 22% dân số cả nước nhưng ĐBSCL cung cấp 60% giá trị tổng sản lượng ngành đánh bắt và chế biến thủy sản hàng năm, 62% sản lượng cây ăn quả, gần một nửa sản lượng lương thực trong cả nước và là nguồn cung ứng chủ yếu cho xuất khẩu gạo VN.

Tuy ĐBSCL giữ một vai trò then chốt trong nền kinh quốc dân và đã đạt được bước phát triển đáng kể về sản xuất nông nghiệp, nhưng cư dân trong vùng vẫn có mức sống vào loại thấp so với các khu vực khác và sự phát triển nông nghiệp trong vùng vẫn chưa ổn định. Có nhiều lý do để giải thích cho vấn đề này và độc canh cây lúa được xem là một trong những nguyên nhân chính.

Trước đây vùng ĐBSCL đã từng có ưu thế về sản xuất lúa gạo trên thế giới. Vào những thập kỷ 20 và 30, sản lượng xuất khẩu gạo vùng ĐBSCL đã giúp nước ta chiếm tỷ lệ 23% sản lượng xuất khẩu gạo thế giới, đứng thứ hai sau Miền Điện. Lợi thế tự nhiên này đến nay vẫn tồn tại, bảo đảm cho VN là một trong những nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới từ năm 1989 đến nay. Tuy nhiên, chúng ta vẫn không thể xem độc canh cây lúa là mô hình lý tưởng cho quá trình phát triển nông nghiệp ở VN khi mà giá lúa rẻ, thị trường bấp bênh và thu nhập của nông nghiệp không cao và nông dân không thể tích lũy vốn cho chu trình tái sản xuất được. Ngoài ra, việc áp dụng một cách bừa bãi các kỹ thuật mới về phân bón và thuốc trừ sâu dẫn sự tích lũy hóa chất trong đất, tình trạng kháng thuốc của sâu rầy, sự ô nhiễm nguồn nước, đất và nông sản. Về lâu dài, không thể chỉ dựa vào lợi thế sẵn có của cây lúa mà chỉ tập trung cho sản xuất lúa xuất khẩu.

May mắn thay, trải qua quá trình đấu tranh và khắc phục thiên tai, người nông dân lam lũ, cần cù và sáng tạo ở ĐBSCL đã tạo ra tiền đề cho sự phát triển đa dạng giúp họ không những hoàn thành những mục tiêu đảm bảo an toàn lương thực cho quốc gia mà còn tăng thu nhập cho mình cho

dù trong môi trường kinh tế và tự nhiên không ổn định và tài nguyên bị giới hạn. Chính sự đa dạng của điều kiện môi trường cộng với sự sáng tạo của người nông dân đã hình thành nên các hệ thống sản xuất nông nghiệp đa dạng và năng động ở ĐBSCL.

1. Các hệ thống sản xuất nổi bật ở ĐBSCL

Một hệ thống sản xuất là sự kết hợp cả về hình thức và chức năng của các hoạt động sản xuất trong một lĩnh vực nông nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp và thủy sản). Hệ thống sản xuất được phân loại theo kỹ năng, cấu trúc và các điều kiện tự nhiên cũng như kinh tế xã hội vốn có của vùng sản xuất nông nghiệp. Về khía cạnh sinh thái, hệ thống sản xuất nông nghiệp có thể được xem gần giống như là hệ sinh thái nông nghiệp nhưng thiên về khía cạnh sản xuất. Về khía cạnh kinh tế, có thể coi hệ thống sản xuất nông nghiệp là nhóm ngành nghề bao gồm nhiều nông hộ như những đơn vị sản xuất độc lập giống nhau bởi cùng sản xuất một nhóm các mặt hàng nông nghiệp bằng các quy trình công nghệ tương tự.

Dựa trên khái niệm này, vùng ĐBSCL có thể được chia ra thành năm hệ thống sản xuất chính sau:

- (1). Hệ thống rừng
- (2). Hệ thống lúa nước trời
- (3). Hệ thống lúa nổi
- (4). Hệ thống lúa có tưới
- (5). Hệ thống vườn

Mỗi hệ thống sản xuất đều chiếm một diện tích từng hàng chục đến hàng trăm ngàn hecta và có đặc thù riêng của mình. Năm hệ thống này hình thành, phát triển, cạnh tranh và chuyển đổi cho nhau. Nhìn chung chúng tiến hóa từ đơn giản đến phức tạp, từ vi mô đến vĩ mô, từ tự nhiên đến dần hiện đại hóa. Quá trình tiến hóa này tuân theo những quy luật nhất định, tìm hiểu về chúng, vận dụng được chúng vào công tác quy hoạch phát triển sẽ mở ra những khả năng to lớn để làm chủ quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở ĐBSCL.

2. Lịch sử phát triển của các hệ thống sản xuất ở ĐBSCL

a. Hướng phát triển theo chiều ngang

Trong quá trình phát triển nông nghiệp và nông thôn, năm hệ thống sản xuất dần dần hình thành và thay thế cho nhau. Hệ thống rừng nhường chỗ cho hệ thống lúa nước trời và sau đó là hệ thống lúa nổi. Tiếp theo đó, các hệ thống này thu lại và bị thay thế bởi hệ thống lúa có tưới và sau cùng là hệ thống vườn. Các tiến trình chuyển đổi trên bắt nguồn từ nhu cầu tăng thu nhập của người nông dân và những nỗ lực của chính phủ nhằm đạt tới các mục tiêu phát triển. Sự chuyển đổi giữa các hệ thống theo quy luật trên được gọi là quá trình phát triển theo chiều ngang. Hướng phát triển này dựa vào việc mở rộng các công trình xây dựng có quy mô lớn, đặc biệt là hệ thống thủy lợi. Chính hướng phát triển theo chiều ngang này đã là đóng góp chính tạo nên những thành công trên quy mô rộng trong sản xuất nông nghiệp trong thời gian qua. Tuy nhiên, quá trình phát triển này phải dựa trên điều kiện sức đầu tư và không phủ nhận rằng có thể có những ảnh hưởng bất lợi đến môi trường tự nhiên và xã hội.

Cách đây ba trăm năm, vùng ĐBSCL đã bước đầu được khai thác trên phạm vi rộng. Những vùng đất trước kia là rừng và cỏ dại đã dần dần được thay thế bởi các loại hình hệ thống nông nghiệp. Kết quả là hệ thống rừng bị phá hủy, rừng nguyên sinh, rừng tràm, được ngập mặn dần dần bị biến mất và thay vào đó là rừng tái sinh. So với hàng trăm trước đây, rừng tràm ở đất phèn còn xấp xỉ 5% (khoảng 100.000 ha); diện tích rừng ngập mặn ở vùng bị nhiễm mặn và ven biển chỉ còn khoảng 30% so với ban đầu (trên dưới 100.000 ha). Ngày nay, mặc dù công tác trồng rừng tái sinh được thực hiện một cách tương đối tích cực nhưng kết quả chưa nhiều và cây trồng tái sinh cũng cho năng suất sinh học thấp, hệ thống sinh thái rừng hiện rất nghèo nàn.

Trong khi diện tích rừng giảm đi thì diện tích trồng lúa tăng nhanh nhiều lần và hệ thống lúa cũng trở nên đa dạng hơn. Lúa trồng ở khắp nơi chỉ trừ những vùng bị nhiễm phèn hoặc nhiễm mặn nặng mà không có nguồn nước tưới. (xem hình 1)

Từ đầu thế kỷ 20, hệ thống lúa nổi đã được trồng trên phạm vi rộng lớn và lan nhanh đến các vùng thường xuyên bị ngập lụt với mực nước cao hơn một mét. Trong vòng 30 năm sau đã có gần 500.000 ha lúa nổi được trồng. Vào năm 1968, các giống lúa mới từ Viện lúa quốc tế (IRRI) bắt đầu được đưa vào sản xuất. Từ năm 1975 đến nay và đáng chú ý là những năm sau công cuộc đổi mới nông nghiệp, hệ thống lúa ngăn ngày cải thiện đã phát triển mạnh mẽ thay thế dần hệ thống lúa nổi và lúa địa phương. Năm 1975 mới có 300.000 ha trồng lúa giống mới có tuổi thì đến năm 1995, diện tích này đã lên đến 1.110.000 ha canh tác; trong đó diện tích trồng lúa 3 vụ đã tăng từ 12.000 ha lên đến 200.000 ha. Diện tích của hệ thống lúa có tuổi sẽ không ngừng mở rộng cho đến khi nào đạt tới giới hạn nguồn nước tưới trên sông Cửu Long vào mùa khô. Theo như dự báo của Dự án quy hoạch tổng thể ĐBSCL, giới hạn này vào khoảng 500.000 ha lúa được tưới nữa (Mekong Master Plan 1993). Hệ thống lúa có tuổi trong khi lan sang phần diện tích của các hệ thống khác thì lại bị thu hẹp bởi hệ thống vườn. Từ cuối thế kỷ thứ 19, vườn dừa trở thành mô hình rộng rãi và đặc biệt trong những thập kỷ 50 và 60, hệ thống vườn cây ăn trái được xếp như là một hệ thống sản xuất độc lập. Từ năm 1975, khi đất nước được thống nhất, vườn cây ăn trái phát triển rất nhanh, tính đến nay có đến 154.000 ha cây ăn quả, 326.000 ha trồng dừa và các loại cây lâu năm khác.

Mặc dù tốc độ lan rộng cây ăn quả tương đối nhanh nhưng nếu so sánh với quy mô phát triển về diện tích thì chất lượng chưa được nâng cao nhiều. Trở ngại cho hướng phát triển này chính là tính thiếu ổn định của thị trường và sự lạc hậu, nghèo nàn về thông tin. Mặt khác, ở vào thời kỳ đầu công nghiệp hóa, ngành công nghiệp chế biến nước ta vẫn chưa khởi sắc cho nên các cây công nghiệp như cà phê, tiêu, cacao, dừa, khóm có rất nhiều thăng trầm. Các cây ăn quả họ cam, quýt cũng bị đe dọa bởi bệnh Screening lan tràn và nhiều nơi phải đốn bỏ. Do đó, tuy là vườn cây lâu năm nhưng cấu trúc của hệ thống vườn lại phải thay đổi thường xuyên để đối phó với nhu cầu thị trường. Sự rủi ro cao làm hạn chế đáng kể hiệu quả kinh tế của hệ thống. Trong khi đó, hệ thống chính sách hỗ trợ cho nghề trồng vườn lại còn rất nhiều điều cần bàn. Chủ trương hạn chế chuyển từ đất lúa sang đất vườn, sự bất hợp lý trong chính sách cho vay của ngân hàng... đã làm tăng thêm sự rủi ro và làm giảm hiệu quả kinh tế của hệ thống cây ăn quả. Trong tương lai, để cho hệ thống sản xuất này có thể thực sự phát huy đúng tiềm năng của nó, cần phải có những chiến lược phát triển và các chính sách hỗ trợ thích hợp của cho nhà nước. (xem bảng 1)

b. Hướng phát triển theo chiều dọc

Song song với việc phát triển theo chiều ngang là hướng phát triển theo chiều dọc, đó là sự chuyển đổi trong cùng một hệ thống sản xuất nông nghiệp bởi chính động lực phát triển bên trong của hệ thống. Hướng phát triển này đòi hỏi

sự cải tổ của cơ cấu nhà nước, các dịch vụ hỗ trợ, đổi mới chính sách và giáo dục để nông dân thực sự phát huy tiềm năng của chính họ. Nếu như hướng phát triển theo chiều ngang cần phí tổn đầu tư hỗ trợ từ bên ngoài khá lớn thì ngược lại, phát triển theo chiều dọc tạo cơ hội cho nông dân huy động tối đa các nguồn tự có nhằm tăng dần mức thu nhập. Một khi họ đã vượt qua ngưỡng tự cung tự cấp, từng bước một, nông dân có thể tích lũy vốn cho chu trình tái sản xuất sau này mà không phải phụ thuộc quá nhiều vào các yếu tố bên ngoài. Có thể nói rằng hướng phát triển theo chiều dọc là phù hợp và có hiệu quả cho quá trình phát triển nông nghiệp ở khu vực ĐBSCL. Tuy nhiên, hướng phát triển này có một vài điểm bất lợi vì tiến trình phát triển chiều dọc phải dựa nhiều vào kết quả của các công trình nghiên cứu và cần có một hệ thống chính sách đổi mới thích hợp. Ngoài ra, phát triển theo cách này diễn ra khá chậm chạp nhiều khi không đáp ứng được các mục tiêu của nhà nước đề ra. Vì thế xu hướng tốt nhất là sự vận hành kết hợp cả hai hướng phát triển theo chiều ngang và chiều dọc.

3. Động lực và khuynh hướng phát triển của hệ thống sản xuất ở ĐBSCL

Hướng phát triển theo chiều ngang là một bước chuyển quan trọng theo nhiều bậc. Bước đầu, một số hệ thống tự nhiên chuyển thành hệ thống sản xuất nhận tạo ở mức độ giản đơn (như sự chuyển tiếp từ hệ thống rẫy rừng sang hệ thống canh tác bằng nước trời hoặc lúa nổi). Bước tiếp theo, từ các hệ thống sản xuất giản đơn sang hệ thống thâm canh có tưới cho các cây trồng hàng năm và sau cùng là cây lâu năm. Bước chuyển trên đã tạo đà cho sự phát triển mạnh mẽ về sản xuất nhưng cũng có thể kèm theo một số rủi ro. Ví dụ việc gia tăng diện tích đất nuôi tôm kéo theo sự phá hủy rừng ngập mặn đứng hàng thứ hai trên thế giới trong suốt 14 năm qua là một ví dụ điển hình. Việc xây dựng bờ bãi hệ thống mương liếp vuông tôm đã làm rối loạn cơ chế bồi đắp phù sa tự nhiên ở vùng đất ven biển và ven sông, ngăn trở nước thủy triều ra vào ngập bề mặt đất, làm mất đi cơ hội làm giảm độ nhiễm phèn của đất và thải độc. Dần dần, không chỉ có tài nguyên rừng bị mất mà cả tài nguyên đất cũng thoái hóa và trong tương lai con người khó có thể tái tạo lại được. (xem hình 2)

Hình 2 cho thấy sự giảm sút to lớn của diện tích rừng ngập mặn ở bán đảo Cà Mau. Tuy nhiên, còn một thực trạng đáng buồn không thể hiện ở biểu đồ này là 96% trong tổng thể diện tích 51.000 ha rừng ngập mặn chỉ là rừng tái sinh (năm 1995). Ngoài ra, nếu tổ chức thực hiện kém, hướng phát triển theo chiều ngang không chỉ ảnh hưởng đến sự thay đổi đột ngột về môi trường mà còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến nền kinh tế xã hội. Những hệ thống sản xuất mới xuất hiện đòi hỏi nguồn nhân lực mới, vốn quay vòng mới và các nguồn tài nguyên kinh tế khác, ngược lại, những yêu cầu này lại gián tiếp thiết lập nên các mối quan hệ mất xích mới như tiền tệ, thị trường và dịch vụ kỹ thuật. Sự vận hành bên trong các hệ thống luôn tạo ra những ảnh hưởng sâu rộng tới toàn bộ cấu trúc kinh tế và cộng đồng xã hội. Vì vậy, cần phải có sự tổ chức phù hợp nhằm tránh được những can thiệp bất lợi bên ngoài.

Một ví dụ về biến đổi trong cơ cấu sản xuất ảnh hưởng đến khía cạnh kinh tế, xã hội là vấn đề lao động, sơ đồ sau là một dẫn chứng cụ thể. (xem hình 3)

Trong mười năm qua, ở ĐBSCL, 300.000 ha hệ thống lúa nổi một vụ đã chuyển sang trồng giống lúa hai vụ. Nông dân vùng lúa nổi trước đây quá quen thuộc với chế độ canh tác quảng canh. Sau khi gieo lúa vào tháng 5 có thể yên tâm tự do đánh bắt cá suốt 6 - 7 tháng trong mùa nước lụt thậm chí không cần phải phun thuốc trừ sâu hay bón phân mà chỉ bận rộn khi thu hoạch lúa vào khoảng tháng 12. Khi chuyển sang hệ thống sản xuất trồng lúa cao sản có tuổi, mọi tập quán canh tác và nhu cầu lao động trở nên thay đổi hẳn. Họ phải đầu tư cao độ vào vật tư nông nghiệp, tranh thủ tháo

nước ra khỏi ruộng cuối mùa lũ để làm vụ đông xuân, thuê nhân công vùi và thu hoạch vụ hè thu vào đầu mùa lũ. Sự chuyển đổi về nhu cầu lao động được so sánh giữa nhu cầu lao động ở hệ thống lúa nổi trước kia (đường vẽ) và nhu cầu nhân công hiện tại của hệ thống thâm canh có tưới tiêu (cột). Thật đáng khâm phục khi đặt câu hỏi: bằng cách nào trong một thời gian ngắn, nông dân Đồng Tháp có thể học và áp dụng được kỹ thuật mới, phân tích thông tin thị trường, giải quyết được nhu cầu to lớn về vốn đầu tư, thuê nhân công, sức kéo, và tham gia xây dựng được những công trình thủy lợi quy mô? Bên cạnh một vài những kết quả rực rỡ về phát triển sản xuất lúa hàng hóa trên vùng lúa nổi, trong những năm gần đây, nông dân vùng ĐBSCL vẫn phải gánh chịu những thiệt hại do lũ lụt hàng năm. (xem bảng 2)

Số liệu ở bảng 2 cho ta thấy, mặc dù hệ thống thủy lợi đã được nâng cấp và cơ cấu mùa vụ đã được bố trí khá phù hợp nhưng nếu nước lũ tràn về sớm hơn mức trung bình (như mùa lũ năm 1994) thì vụ thu hoạch thứ hai của nông dân trồng lúa hai vụ có khả năng bị thiệt hại nặng do không thu hoạch kịp trước lũ. Trong những năm gần đây, mặc dù sự đầu tư và nâng cấp hệ thống chống lũ tăng rất nhiều so với trước kia nhưng thiệt hại do lũ gây ra vẫn rất lớn và chế độ nước lũ đã biến đổi, ngày càng diễn biến phức tạp hơn trước. Một trong những nguyên nhân có thể được kể đến là việc xây dựng nhiều công trình xây dựng, đường sá, khu cư dân mới, vườn cây ăn trái không có quy hoạch hợp lý làm cản trở dòng chảy của lũ, tạo ra thiệt hại không đáng có.

Nhìn chung, hướng phát triển theo chiều ngang tạo cơ hội cho một hệ thống sản xuất mới được nảy sinh ngay trong lòng một hệ thống sản xuất cũ. Từng bước một, hệ thống sản xuất mới được phát triển, được củng cố, được mở rộng thậm chí có thể quá đà lan ra rộng hơn phạm vi tối ưu nhưng sau đó sẽ bị thu hẹp lại ở mức độ hợp lý. Đôi khi sự chuyển đổi quá đà này đem lại những hậu quả tệ hại. Mỗi khi hệ thống sản xuất mới bị co lại quy mô nhỏ hơn có thể để lại phía sau nhiều nông dân bị phá sản và mắc nợ ngân hàng, môi trường bị hủy hoại nghiêm trọng. Chúng ta lại một lần nữa lấy ví dụ về sự suy thoái của hệ thống rừng ngập mặn ở Cà Mau và sự bùng nổ về diện tích nuôi tôm như đã nêu trên. (xem bảng 3)

Bảng trên cho thấy tiến trình phát triển theo chiều ngang ở khu vực ĐBSCL. Khoảng thời gian 20 năm gần đây đã chứng kiến sự suy giảm hàng loạt của các hệ thống sản xuất, khởi đầu là hệ thống rừng, tỷ lệ giảm về diện tích ở mức 25%.

Đối với hệ thống lúa tưới tiêu bằng nước mưa thì diện tích giảm trên 45% và hệ thống lúa nổi là 91%. Trên thực tế con số này có thể cao hơn trong giai đoạn từ năm 1989 đến nay. Bù lại là sự tăng lên về chất lượng cũng như về quy mô của hệ thống thâm canh có tưới và hệ thống vườn cây ăn trái. So với năm 1980, tỉ lệ diện tích tăng vào năm 1995 là 263% đối với hệ thống lúa có tưới và 188% đối với hệ thống vườn. Thực ra, sự phát triển của hệ thống vườn có thể lớn hơn nhiều nếu không có sự ngăn cản chuyển đổi từ đất ruộng sang đất vườn. Xét trên tổng thể, đầu ra và lợi nhuận của mỗi hệ thống sản xuất tăng dần từ thấp đến cao đã tạo đà thúc đẩy nhà nước hỗ trợ nông dân phát triển theo hướng chiều ngang. Vốn tích lũy đầu tư tăng dần và rất cao ở các hệ thống sản xuất cuối. Bảng số liệu này chỉ đề cập đến vốn đầu tư ở lĩnh vực nông nghiệp trong phạm vi nông hộ mà chưa đề cập đến các lĩnh vực khác như thủy lợi và hạ tầng cơ sở hoặc các khoản đầu tư khác trên quy mô lớn. Nếu tính toán chi tiết, tổng chi phí để tạo tiền đề cho các bước chuyển tiếp theo chiều ngang có thể vượt mức dự tính trên rất nhiều.

Khác với khuynh hướng chuyển đổi giữa các hệ thống sản xuất theo chiều ngang, hướng sản xuất theo chiều dọc chủ yếu dựa vào sự phát triển và động lực bên trong của mỗi một hệ thống. Xét về mặt sinh thái, hệ thống sản xuất vẫn giữ nguyên bản chất vốn có nhưng trội hơn về chất. Thúc

vậy, hệ thống thâm canh cho phép nông dân tận dụng không gian và thời gian bằng cách canh tác 2 và 3 vụ trong năm. Tất nhiên, mục tiêu tăng thời vụ và thâm canh cũng được thể hiện trong hướng phát triển theo chiều ngang nhưng ở hướng phát triển theo chiều dọc, các mục tiêu này được thực hiện trong khi vẫn bảo đảm cho các hệ thống sản xuất duy trì được những yếu tố cơ bản về sinh thái và kinh tế xã hội học trong suốt tiến trình phát triển. (xem bảng 4)

Tính thuyết phục của hướng phát triển theo chiều dọc chính là hiệu quả kinh tế cao khi so sánh giữa đầu ra của hệ thống sản xuất sơ khai và đầu ra của hệ thống sản xuất phát triển. Ước tính về lợi nhuận thu được từ hệ thống sản xuất phát triển theo hướng chiều dọc là rất cao.

Khác với các hệ thống sản xuất nông nghiệp, hệ thống rừng với nhiều giá trị khó có thể tính toán bằng tiền tệ chẳng hạn như sự đa dạng sinh học, động vật hoang dã, những ảnh hưởng môi trường và văn hóa.

Nông dân dưới sự hỗ trợ của nhà nước, không ngừng tích lũy vốn tự có để tự chuyển đổi các hệ thống sản xuất vốn có theo hướng chiều dọc. Một khi đạt đa số người nông dân đã vượt qua ngưỡng tự cung tự cấp thì nguồn thu nhập thặng dư sẽ được tái đầu tư vào chu trình tái sản xuất nhằm nâng cấp và chuyển đổi hệ thống nông nghiệp. Kết quả cuối cùng là sự chuyển đổi hệ thống nông nghiệp và thuận lợi từ hướng phát triển chiều dọc sang hướng phát triển chiều ngang. Để thực hiện thành công bước chuyển đổi này, vai trò và nỗ lực của nông dân là yếu tố quan trọng và chủ động nhất. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng, nông dân vùng ĐBSCL nói riêng và nông dân VN nói chung không thể vươn đến và đạt được ngưỡng kinh tế phát triển nếu không có sự hậu thuẫn của các nhân tố môi trường thuận lợi bao gồm sự hỗ trợ và đầu tư ngân sách của nhà nước, các chính sách đối mới và thị trường ổn định. Vấn đề đáng chú ý về vai trò của nhà nước là để giúp đỡ và hỗ trợ nông dân chứ không để bắt buộc họ áp dụng một cách máy móc và nóng vội hướng phát triển theo chiều ngang.

Khuynh hướng tốt nhất cho quá trình phát triển nông nghiệp ở khu vực ĐBSCL là sự kết hợp hài hòa các điểm trội ở cả hai hướng phát triển chiều ngang và chiều dọc có chính sách hỗ trợ của nhà nước. Bước đầu nhà nước nên xác định các thuận lợi tự nhiên của từng vùng, căn cứ vào các tiềm năng sẵn có cũng như cân nhắc đến hạn chế và điều kiện tự nhiên của chúng. Những đánh giá này sẽ dẫn đến việc hình thành các khái niệm về ranh giới hợp lý mang tính quy mô giữa các hệ thống sản xuất. Bước hai là nhà nước cần tạo ra những điều kiện cho nông dân trong vùng ĐBSCL nhằm tạo điều kiện cho nông dân chọn lọc và phát huy các hệ thống sản xuất hiện có thông qua các hoạt động: tập huấn, tín dụng, khuyến nông, các dịch vụ chuyển giao công nghệ và xây dựng hạ tầng cơ sở... Nhà nước cũng nên giúp nông dân thành lập các hình thức tổ chức sản xuất như văn công, hợp tác xã, hệ thống hợp đồng và nhóm sản xuất nhằm mục tiêu phát triển cộng đồng và trên cơ sở này tạo ra môi trường kinh tế xã hội thuận lợi ở cấp làng xã.

Trong suốt thời gian dài vận động phát triển và tích lũy, từ bên trong mỗi hệ thống sẽ phát sinh thêm các hệ thống sản xuất mới có triểu vọng và tiềm năng (ví dụ như hệ thống cây ăn quả hiện nay). Đồng thời những hệ thống sản xuất hiện có luôn được củng cố và phát triển. Tiến trình này được xem như là quy luật tự nhiên nảy sinh từ nhu cầu tái sản xuất bằng vốn tự tích lũy của nông dân và nhu cầu cải thiện đời sống sinh hoạt của họ. Tuy nhiên, với những hệ thống có giá trị đặc biệt về môi trường và văn hóa xã hội mà trước nay vẫn chưa nhận được sự ưu đãi đặc biệt nào thì sự can thiệp của nhà nước là điều kiện cần thiết để duy trì và phát triển. Ví dụ hệ thống rừng là một hệ thống đặc biệt vì trong tương lai nó có thể bao phủ toàn bộ diện tích đất hoang hiện nay nhằm tạo thể cân bằng sinh thái và kinh tế xã hội tốt hơn.

Bảng 1 Tình hình sử dụng đất tại DBSCL, 1977 - 1995
Đơn vị: 1.000 ha

Mục	1977	1980	1985	1990	1995
Tổng DT đất tự nhiên	4013.6	3987.6	3965.8	3.957.2	3.955.5
Đất nông nghiệp	2239.4	2541	2435.3	2462.3	2612.2
1. Đất cây hàng năm	2050.2	2342.7	2130.1	1971.1	2106
+ 3 vụ	20.4	35.8	4.2	10.24	239
- Lúa	12.7	23	1.1	6.6	193.9
- Lúa + màu	7.7	12.8	3.1	3.63	45.1
+ 2 vụ	576.1	642.5	614.5	926.1	1056.5
- Lúa	501.8	571.1	572.1	900	981.7
- Lúa + màu	74.3	71.4	42.4	26.1	74.5
+ 1 vụ	1390.2	1572.8	1355.1	890.5	640.5
+ Màu	63.5	91.6	156.3	144.3	170
2. Cây lâu năm	166.5	192	272.9	347.8	326
3. Đất nuôi cá	22.7	6.3	32.3	145.4	180.2
Đất rừng	380.1	253.8	339.5	348.7	285.6
Đất hoang	627.1	547.9	621.6	562	434.4
Đất khác	767	644.9	569.4	582.2	623.4

Diện tích đảo: 62.000 ha

Bảng 2: Ảnh hưởng lũ hàng năm tại DBSCL, 1991 - 1996

	1991	1994	1995	1996
Mức nước cao nhất tại Tân Châu (m)	4,80	4,67	4,45	5,02
Ngày có mức nước trên 3,5 m tại Tân Châu	23-8	04-8	29 - 8	29 - 8
Số người chết	158	407	199	195
Thiệt hại lúa hè thu (tỷ đồng)	375	347	63	1
Thiệt hại khác (tỷ đồng)	508	1.937	637	2.036
Tổng số thiệt hại (tỷ đồng)	883	2.284	700	2.037

Bảng 3: Sự phát triển theo chiều ngang của các hệ thống sản xuất DBSCL

	Hệ thống rừng	Hệ thống lúa nổi	Hệ thống lúa nước trời	Hệ thống lúa có tưới	Hệ thống vườn *
Diện tích thay đổi, 1980 - 1995 (1980 = 100%)	75	9	55	263	188
Tổng thu nhập (\$US/năm/ha)	263**	218	349	1036	2727
Lãi thuần (\$US/năm/ha)		76	122	466	954
Chi phí đầu tư để chuyển đổi (\$US/ha)		150	214	426	1026

Ghi chú:

* không kể vườn dừa

** giá trị thuần hiện đại

*** phí đầu tư trong năm đầu để chuyển sang hệ thống mới

Tham luận tại hội thảo khoa học "Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phát triển nông thôn theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa" từ 22 - 23.8.1997 tại Cần Thơ.



Bảng 4: Đầu tư và hiệu quả của các hệ thống sản xuất phát triển chiều dọc ở DBSCL

Hệ thống sản xuất ban đầu	Rừng	Lúa nổi	Lúa nước trời	Lúa có tưới	Vườn
Hệ thống sản xuất nâng cao	Rừng + Cá	LN - vùng	Lúa HT - Lúa mùa	Lúa DX - lúa HT - mùa	Vườn + chăn nuôi
Tổng thu của hệ thống ban đầu (\$US/ha)	263	218	349	1036	2181
Tổng thu của hệ thống sản xuất nâng cao (\$US/ha)		635	872	1635	2727
Lợi tức của HTSX ban đầu (\$US/ha)		76	122	466	1417
Lợi tức của HTSX nâng cao (\$US/ha)		408	454	926	1770
Chi phí đầu tư để chuyển đổi (\$US/ha)		227	210	181	151

Hình 1: Diện tích canh tác của các hệ thống sản xuất nền lúa 1900 - 1995



Hình 2: Diện tích rừng tràm ở Cà Mau



Hình 3: Sự khác biệt trong cơ cấu lao động giữa hệ thống lúa có tưới và lúa nổi ở Đồng Tháp

(Ngày người/ha/tháng)

